

Số: /2022/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 161/BC-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Nghị quyết này không áp dụng đối với việc cấp bản sao trích lục hộ tịch.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng thu lệ phí: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (*sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện*); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (*sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã*) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Đối tượng nộp lệ phí: Cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức thu lệ phí hộ tịch

1. Mức thu đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	Các việc hộ tịch phải nộp lệ phí	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Đăng ký khai sinh, gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	8.000
2	Đăng ký khai tử, gồm: Đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử	8.000
3	Đăng ký lại kết hôn	25.000
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	15.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	15.000
6	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	15.000
7	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	5.000
8	Đăng ký hộ tịch khác	8.000

2. Mức thu đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện

STT	Các việc hộ tịch phải nộp lệ phí	Mức thu (đồng/trường hợp)
1	Đăng ký khai sinh, gồm: Đăng ký khai sinh; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	70.000
2	Đăng ký khai tử, gồm: Đăng ký khai tử; đăng ký lại khai tử	70.000
3	Đăng ký kết hôn, gồm: Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn	1.200.000
4	Đăng ký giám hộ; đăng ký chấm dứt giám hộ	70.000
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.200.000
6	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc	28.000
7	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	35.000
8	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	70.000
9	Đăng ký hộ tịch khác	70.000

Điều 3. Các trường hợp miễn lệ phí hộ tịch

1. Đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Đăng ký khai sinh đúng hạn, đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ, đăng ký chấm dứt giám hộ, đăng ký kết hôn cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 4. Chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch

1. Việc thu lệ phí hộ tịch phải thực hiện đúng quy định của pháp luật.

2. Cơ quan thu lệ phí hộ tịch quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này nộp 100% (một trăm phần trăm) số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 02 tháng 7 năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQVN & các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (đăng tải CSDLPL);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thành phố;
- TT HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Báo TQ; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Trang TTĐT Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân